

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BB
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DSST

Ngày: 19-03-2019.

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo – Thẩm phán

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Bà Trần Thị Nguyệt Bình

2/. Bà Cao Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Minh Thị Thu Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa: Ông Trần Thông, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BB, xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 95/2018/TLST–DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX–DSST ngày 11/02/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 28/02/2019 giữa các bên đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim Hoàng Anh, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Bình Th, xã Phan Rí Th, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

-Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1983(có mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã Phan Rí Th, huyện BB, Bình Thuận

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: 1/Anh Phan Châu Tr, sinh năm 1978(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bình Th, xã Phan Rí Th, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

2/ Chị Lê Xuân Thụy V, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu phố An 1, thị trấn L, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

Có đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kim Hoàng A, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn Bình Th, xã Phan Rí Th, huyện BB, Bình Thuận (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2018)

3/Anh Lê Xuân Thế D, sinh năm 1976

Có đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kim Hoàng A, sinh năm 1957 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Bình Th, xã Phan Rí Th, huyện BB, tỉnh Bình Thuận
(Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2018)

4/ Anh Lê Xuân Thế D1, sinh năm 1979

Nơi cư trú: 39/13/3, đường Từ Văn Tư, phường Phú Tr, Thành phố Phan Th, tỉnh Bình Thuận

Có đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kim Hoàng A, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Bình Th, xã Phan Rí Th, huyện BB, tỉnh Bình Thuận
(Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên bà Lê Thị Kim Hoàng A trình bày: Cuối năm 2015 đầu năm 2016 giữa bà và chị Nguyễn Thị Ánh T có quen biết trong xóm nên có cho chị T vay tiền để vợ chồng chị T mua bán trái cây và trả nợ ngân hàng, sau nhiều lần vay mượn có thỏa thuận trả lãi 5%/tháng, thời hạn cho vay trả góp theo ngày trong thời hạn từ 04 tháng đến 10 tháng nhưng sau khi vay nhiều lần lên số nợ 100.000.000đ bà T không trả lãi và gốc. Bà cùng chồng là ông Lê Xuân D có đơn ra Công an xã giải quyết năm 2017, bà T thừa nhận còn nợ vợ chồng bà Lê Thị Kim Hoàng A 100.000.000đ, hứa trả mỗi tháng 500.000đ nhưng sau đó không trả. Chồng bà là ông Lê Xuân D chết ngày 21/3/2018 nên bà yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Ánh T, ông Phan Châu Tr phải liên đới trả nợ cho bà và các con là những người thừa kế của ông D gồm Lê Xuân Thụy V, sinh năm 1974; Lê Xuân Thế D, sinh năm 1976 và Lê Xuân Thế D1, sinh năm 1978, do bà đại diện nhận số nợ còn lại là 100.000.000đ cùng lãi suất tính từ tháng 01 năm 2018 đến nay theo quy định pháp luật.

Tại hồ sơ vụ án, bản tự khai ngày 11/12/2018 và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày có thừa nhận giữa nguyên đơn bà Lê Thị Kim Hoàng A và chị T có thỏa thuận vay của bà A nhiều đợt số tiền 100.000.000đ, thỏa thuận lãi trên 5%/tháng nhưng chị không rõ bao nhiêu nhưng trả góp hàng ngày, mục đích vay mua bán trái cây, trả ngân hàng, thời hạn vay trả góp hàng ngày trong vòng từ 04 đến 10 tháng, khi vay không có chồng đi nhưng vay về dùng số tiền mua bán trái cây kiếm lời chi tiêu trong gia đình. Sau thời gian vay có trả góp được thời gian nhưng không nhớ số tiền đã góp. Đầu năm 2017, chị T không có trả góp nữa do mua bán trái cây bị lỗ vốn. Cuối năm 2017, khi ra Công an xã giải quyết chị có hứa trả góp cho bà A mỗi tháng 500.000đ nhưng sau đó có bầu sinh con nên không đi mua bán được không có tiền trả. Tại hòa giải chị T thỏa thuận trả gốc cho bà Lê Thị Kim Hoàng A gốc 100.000.000đ và lãi 1%/tháng tính từ tháng 01 năm 2018 đến khi hòa giải nhưng tại phiên tòa chị T yêu cầu bà A không tính lãi và chịu trách nhiệm một mình chị trả cho bà Lê Thị Kim Hoàng A do chồng chị không biết việc vay mượn của bà A.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Xuân Thụy V, anh Lê Xuân Thế D và anh Lê Xuân Thế D1 có bản tự khai thống nhất những người trong hàng thừa kế của ông Lê Xuân D như bà Lê Thị Kim Hoàng A trình bày và làm giấy ủy quyền cho mẹ là bà Lê Thị Kim Hoàng A thể hiện trong hồ sơ vụ án yêu cầu vợ

chồng chị Nguyễn Thị Ánh T và ông Phan Châu Tr phải liên đới trả nợ vay của cha mẹ anh chị số tiền còn nợ 100.000.000đ nhưng từ chối nhận phần di sản chung vợ chồng của cha các anh chị là ông Lê Xuân D (chết 21/3/2018) đối với số tiền do bà T và ông Tr nợ 100.000.000đ. Chị V, anh D và anh D1 cho mẹ là bà Lê Thị Kim Hoàng A nhận toàn bộ số nợ 100.000.000đ cùng lãi phát sinh do bà T và ông Tr trả theo quyết định của Tòa án.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Châu Tr đã được tổng đạt thông báo xác lập tư cách tham gia tố tụng hợp lệ nhưng cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim Hoàng A cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án hòa giải không có mặt anh Tr được và đưa ra xét xử hôm nay. Anh Phan Châu Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thủ tục xét xử niêm yết hai lần nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về quan điểm giải vụ án như sau:

- + Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định về thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, thời hạn giải quyết, trình tự thủ tục hòa giải và thời hạn chuyển giao hồ sơ sang VKS
- + Về tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự
- + Về chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Châu Tr không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật
- + Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Các Điều 116; 351; 463; 466; 468 BLDS năm 2015; Các Điều 30; 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim Hoàng A, buộc bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Phan Châu Tr liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Lê Thị Kim Hoàng A số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Châu Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Phan Châu Tr là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Kim Hoàng A trình bày vợ chồng bà có cho bà Nguyễn Thị Ánh T vay và bị đơn chị Nguyễn

Thị Ánh T có thừa nhận có vay nhiều lần của bà Lê Thị Kim Hoàng A với số tiền 100.000.000đ từ tháng 11 năm 2015 đến cuối năm 2016, mục đích cho vay để mua bán làm ăn kiếm lời chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, trả ngân hàng, có thỏa thuận lãi suất nhưng không thể hiện rõ mức lãi suất trên tháng và thời hạn trả nợ gốc từ 04 đến 10 tháng, hình thức trả góp hàng ngày. Lời khai của nguyên đơn và bị đơn phù hợp với chứng cứ là các giấy vay nợ. Như vậy, giao dịch vay tiền giữa bà A và chị T là hợp đồng vay tài sản được thỏa thuận trước ngày bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực và đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng pháp luật giải quyết. Căn cứ Điều 463 BLDS năm 2015, thỏa thuận vay tiền giữa bà Lê Thị Kim Hoàng A với chị Nguyễn Thị Ánh T là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi suất. Hai bên không xác định được thời gian cụ thể vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Lê Thị Kim Hoàng A yêu cầu chị Nguyễn Thị Ánh T và chồng là anh Phan Châu Tr phải liên đới trả nợ gốc 100.000.000đ và lãi tính từ thời điểm giải quyết thỏa thuận tại Công an xã Phan Rí Th là tháng 01 năm 2018, với lãi suất 01%/tháng được chị Nguyễn Thị Ánh T chấp nhận tại hòa giải nhưng thay đổi yêu cầu xin bà A không tính lãi suất và đề nghị tự chịu trách nhiệm trả nợ, không đồng ý đưa ông Phan Châu Tr là chồng bà vào có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho bà A nhưng không được bà A chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy:

+Đối với nợ gốc: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Phan Châu Tr có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phan Rí Th vào ngày 13/7/2016 thể hiện tại quyển sổ 01B, mở ngày 12/3/2006 tại trang 13. Vì vậy, trong giao dịch vay tiền giữa bà A với chị T mặc dù chỉ một mình chị T đứng ra vay nhưng vay về mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình chị T với anh Tr và trả nợ Ngân hàng nhưng đến nay chưa trả nợ cho bà Lê Thị Kim Hoàng A cả gốc và lãi nên anh Phan Châu Tr phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị Nguyễn Thị Ánh T trả nợ vay cho bà Lê Thị Kim Hoàng A số nợ gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) được quy định tại các Điều 466; khoản 6 Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27; Điều 30; Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+Về lãi suất: Chị T và bà A thỏa thuận mức lãi 1%/tháng tại hòa giải ngày 21/12/2018 nhưng vắng mặt anh Phan Châu Tr. Tại phiên tòa xin lãi nhưng không được bà A chấp nhận và yêu cầu xử theo pháp luật. Hội đồng xét xử thấy việc vay tiền hai bên không thể hiện rõ lãi suất trên hợp đồng, không thống nhất mức lãi suất nên mức lãi suất được thực hiện bằng 50% mức lãi suất giới hạn 20%/năm tính từ thời điểm trả nợ được quy định Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 0,84%/tháng. Thời gian tính lãi từ tháng 01 năm 2018 đến khi xét xử ngày 19/3/2019 là 14 tháng 19 ngày tổng số tiền lãi 12.292.000đ (Mười hai triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng)

[3]Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Xuân Thụy V, Lê Xuân Thế D và Lê Xuân Thế D1 là những người con của ông Lê Xuân D và bà Lê Thị Kim Hoàng A, do giao dịch giữa bà Nguyễn Thị Ánh T với bà Lê Thị Kim

Hoàng A thực hiện từ tháng 11 năm 2015 đến năm 2016. Trong thời gian này số tiền 100.000.000đ bà A cho bà T vay là tài sản chung vợ chồng giữa bà A và ông D. Ngày 21/3/2018, ông D chết không để lại di chúc nên số tiền 100.000.000đ được giải quyết theo Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình. Những người thừa kế tài sản của ông Lê Xuân D được quy định tại Điều 612 BLDS gồm có các con ông là Lê Xuân Thụy V, Lê Xuân Thế D và Lê Xuân Thế D1 và vợ ông là bà Lê Thị Kim Hoàng A là người được thừa kế theo pháp luật được quy định tại Điều 651 BLDS có quyền định đoạt phần di sản của ông Lê Xuân D. Tại các bản tự khai của Lê Xuân Thụy V ngày 26/10/2018, Lê Xuân Thế D ngày 24/10/2018 và Lê Xuân Thế D1 ngày 05/11/2018 trình bày phần di sản của ông Lê Xuân D không nhận mà cho mẹ là bà Lê Thị Kim Hoàng A là vợ ông Lê Xuân D nhận, được bà A đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy việc từ chối nhận di sản của chị V, anh D và anh D1 không nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ, phù hợp quy định tại Điều 620 Bộ luật dân sự và Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Lê Thị Kim Hoàng A được chấp nhận toàn bộ nên chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Phan Châu Tr phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự .

- Các Điều 688; 275; 463; 466; 468; 612; 620; 651 và Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Điều 9; khoản 2 Điều 27; Điều 30 và khoản 2 Điều 37; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim Hoàng A buộc chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Phan Châu Tr phải liên đới trả cho bà Lê Thị Kim Hoàng A số tiền nợ vay gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 19/3/2019 là 12.292.000đ (Mười hai triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng số tiền là 112.292.000đ

Về án phí: - Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Phan Châu Trinh phải nộp 5.614.600đ tiền án phí dân sự sơ thẩm

- Hoàn trả lại bà Lê Thị Kim Hoàng A tiền tạm ứng án phí 3.100.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015938 ngày 05/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện BB.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền

phải thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Châu Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND BB
- THA BB
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán—Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Thảo